Mô hình Use case E-Commerce Android App

Version <1.0>

Sinh viên thực hiện:

18127014 – Huỳnh Nhật Nam

18127223 – Nguyễn Phúc Thịnh

18127118 - Mai Đăng Khánh

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| 20/03/2021 | <1.0> | Thêm UseCase Model | Nguyễn Phúc Thịnh  Huỳnh Nhật Nam |
| 21/03/2021 | <1.1> | Đặc tả UseCase của người dùng chưa đăng nhập | Nguyễn Phúc Thịnh |
| 21/03/2021 | <1.2> | Đặc tả UseCase của người dùng đã đăng nhập | Huỳnh Nhật Nam |
| 21/03/2021 | <1.3> | Đặc tả UseCase của Admin | Mai Đăng Khánh |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 3](#_Toc369450773)

[2. Danh sách các Actor 3](#_Toc369450774)

[3. Danh sách các Use-case 3](#_Toc369450775)

[4. Đặc tả Use-case 3](#_Toc369450776)

[4.1 Đặc tả Use-case “Tên Use-case” 3](#_Toc369450777)

# Sơ đồ Use-case



# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Người dùng | Người dùng nói chung, tổng quát |
| 2 | Người dùng chưa đăng nhập | Kế thừa của người dùng, có các usecase riêng |
| 3 | Người dùng đã đăng nhập | Kế thừa của người dùng, có usecase đặc trưng |
| 4 | Admin | Người quản lý hệ thống, dữ liệu. |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Tạo tài khoản | Người dùng tạo 1 tài khoản mới |
| 2 | Đăng nhập | Người dùng chưa đăng nhập có thể đăng nhập |
| 3 | Xem danh sách sản phẩm |  |
| 4 | Xem danh sách sản phẩm theo loại hàng | Sản phẩm được phân loại, người dùng có thể xem sản phẩm theo từng loại |
| 5 | Tìm kiếm sản phẩm | Tìm sản phẩm theo từ khoá |
| 6 | Xem chi tiết món hàng | Xem thông tin chi tiết của sản phẩm đã chọn |
| 7 | Quản lý giỏ hàng |  |
| 8 | Thêm sản phẩm | Thêm 1 sản phẩm đang xem chi tiết vào giỏ hàng |
| 9 | Xem giỏ hàng | Xem các sản phẩm có trong giỏ hàng |
| 10 | Xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng | Xoá 1 sản phẩm đang chọn trong giỏ hàng |
| 11 | Sửa số lượng sản phẩm | Thêm hoặc bớt số lượng sản phẩm cần mua trong giỏ hàng |
| 12 | Thanh toán |  |
| 13 | Chọn thông tin giao hàng | Điền các thông tin cần thiết cho việc giao nhận hàng |
| 14 | Đăng xuất | Người dùng thoát khỏi tài khoản của mình |
| 15 | Quản lý tài khoản |  |
| 16 | Đổi mật khẩu | Cho phép người dùng thay đồi mật khẩu tài khoản đang sử dụng |
| 17 | Chỉnh sửa thông tin tài khoản | Chỉnh sửa các thông tin như họ tên, địa chỉ mặc định, số điện thoại |
| 18 | Xem danh sách đơn hàng | Xem các đơn hàng đã đặt |
| 19 | Xem chi tiết đơn hàng | Xem chi tiết các sản phẩm và thông tin giao hàng của đơn hàng cụ thể |
| 20 | Quản lý tài khoản khách | Admin có quyền quản lý các tài khoản của khách hàng |
| 21 | Xem danh sách tài khoản | Xem d/s tài khoản khách |
| 22 | Xem thông tin chi tiết của tài khoản | Xem tất cả thông tin của 1 tài khoản khách cụ thể (trừ mật khẩu) |
| 23 | Xoá tài khoản | Admin có quyền xoá tài khoản của 1 khách (trong trường hợp vi phạm điều khoản sử dụng) |
| 24 | Tìm kiếm tài khoản | Admin được quyền tìm kiếm tài khoản khách theo họ tên, số điện thoại, email…. |
| 25 | Quản lý sản phẩm | Thay đổi dữ liệu về sản phẩm |
| 26 | Thêm sản phẩm | Thêm sản phẩm mới vào dữ liệu |
| 27 | Xoá sản phẩm | Xoá sản phẩm khỏi dữ liệu |
| 28 | Sửa thông tin sản phẩm | Thay đổi giá, tên, mô tả của sản phẩm |
| 29 | Quản lý đơn hàng | Quản lý tất cả đơn hàng trong hệ thống |
| 30 | Tìm kiếm đợn hàng | Tìm đơn hàng theo tên, số điện thoại… |
| 31 | Xem danh sách đơn hàng |  |
| 32 | Xoá đơn hàng | Xoá đợn hàng vi phạm |
| 33 | Xem chi tiết đơn hàng | Xem chi tiết của đơn hàng cụ thể |

# Đặc tả Use-case

***Ghi chú: Với mỗi Use-case, đặc tả nội dung của Use-case theo template sau:***

## Đặc tả Use-case “Tên Use-case”

|  |  |
| --- | --- |
| Tóm tắt | *Tóm tắt ngắn gọn về Use-case (ai sử dụng use-case, dùng use-case để thực hiện chức năng gì, ý nghĩa của use-case…)* |
| Dòng sự kiện chính | *Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính*  *Nên đánh số thứ tự các bước trong dòng sự kiện chính* |
| Dòng sự kiện khác | *Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”* |
| Các yêu cầu đặc biệt | *Ghi nhận các yêu cầu đặc biệt khi thực hiện Use-case. Nếu không có yêu cầu đặc biệt nào, ghi “Không có”* |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện UseCase | *Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi nguời sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)* |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện UseCase | *Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).* |
| Điểm mở rộng | *Mô tả những tình huống xuất hiện các Use-case khác có quan hệ <<extend>> với Use-case đang xét.* |